

Đầu tư nước ngoài là lĩnh vực rất quan trọng, đóng góp khối lượng đáng kể trong tổng vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Từ nhu cầu thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra cho giai đoạn 2001 - 2010 và xuất phát từ tình hình và điều kiện thực tế của đất nước với bối cảnh quốc tế, chiến lược phát triển của giai đoạn mới là chiến lược 10 năm đầu thế kỷ tới là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo lập nền tảng cho việc hình thành một nước công nghiệp trong giai đoạn sau.

Trên con đường phát triển đã lựa chọn, nước ta không thể có cách nào khác là phải từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con đường công nghiệp hóa, trong điều kiện của thế giới ngày nay, phải vận dụng tối đa những khả năng của cách mạng khoa học và công nghệ, của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Công nghiệp hóa hiện đại hóa gắn liền với những lợi thế của nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc, với những tiềm năng to lớn của nhân dân ta là cách mạng và sáng tạo, để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn thời gian công nghiệp hóa, hiện đại hóa so với các nước đi trước, thực hiện từng bước mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Sự lựa chọn chiến lược này là một kết luận tất yếu rút ra từ quá trình phát triển và đổi mới hơn 10 năm qua, từ một tầm nhìn về triển vọng phát triển đất nước gắn với xu thế của thế giới và thời đại. Trong đó vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển và xây dựng đất nước. Trong thời gian gần đây tình hình thu hút FDI có chậm lại, vì thế việc tìm mọi biện pháp để thu hút FDI là nhiệm vụ rất quan trọng hiện nay.

Tại sao FDI lại là một trong số nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn xây dựng hiện nay của đất nước ? Để trả lời câu hỏi này chúng ta phải nắm được trong chiến lược phát triển kinh tế mục tiêu và hiệu quả của FDI là gì.

Khi nói đến mục tiêu và hiệu quả là chúng ta nói đến những vấn đề then chốt của mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Đặt mục tiêu sai, thì sẽ đi chệch hướng cơ bản. Nhưng mục tiêu đúng mà hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả thì sẽ không đạt mục tiêu đề ra, thậm chí để lại hậu quả nặng nề. Như vậy hai vấn đề này phải được suy nghĩ đồng thời với nhau.

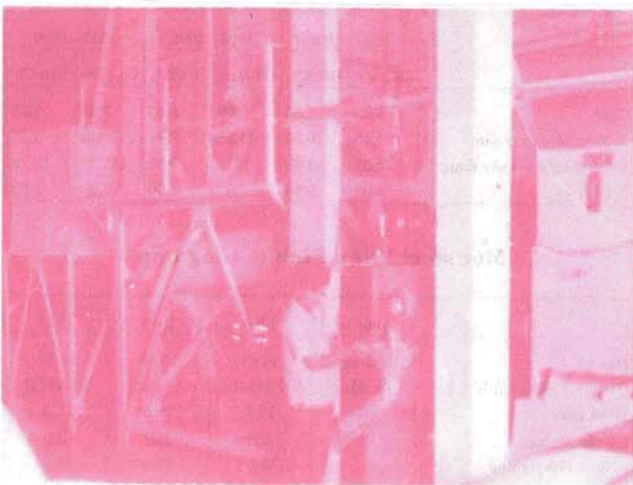
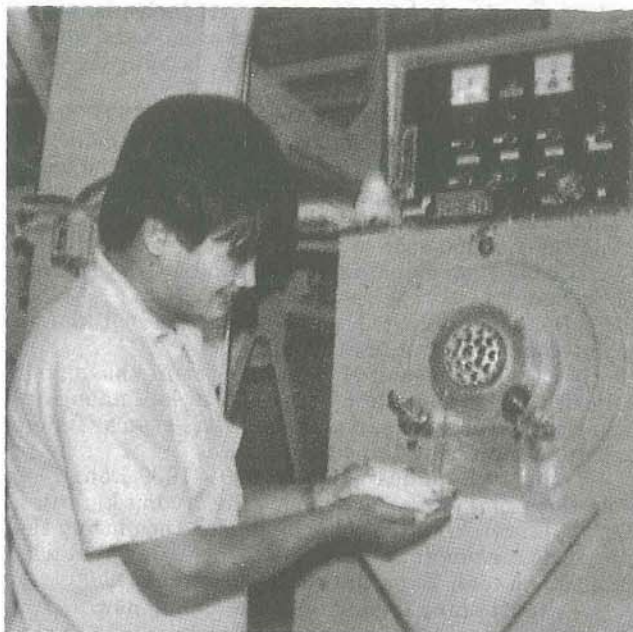
Trong đầu tư trực tiếp nước ngoài, mục tiêu và hiệu quả của nước chủ nhà khác hẳn mục tiêu và hiệu quả của nhà đầu tư.

- Đối với các nhà đầu tư nước ngoài mục tiêu và hiệu quả của đầu tư nước ngoài là thu hồi đủ vốn đầu tư cùng một tỉ suất lợi nhuận hợp lý. Do đó thông thường họ chọn thị trường đầu tư là những quốc gia hay là những nơi mà ở đó tình hình chính trị-xã hội ổn định, nền kinh tế không ngừng tăng trưởng, thị trường lao động dồi dào, giá rẻ, pháp luật thông thoáng, phù hợp thông lệ quốc tế, hạ tầng cơ sở khá phát triển... Ngoài những yếu tố đó, đối với họ, thủ tục hành chính, chế độ đất đai, hệ thống thuế khóa, qui chế ngoại hối, diễn biến thị trường cùng nhiều yếu tố “nhạy cảm” khác thuận lợi hay không thuận lợi - tất cả hòa hợp lại, tạo thành cái gọi là “ môi trường đầu tư ” có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của họ. Trên cơ sở khảo sát hàng chục yếu tố khác nhau, họ tính toán, chọn lựa dự án đầu tư và địa bàn đầu tư. Tỉ suất lợi nhuận thu được qua hợp tác đầu tư, nhất thiết phải cao hơn lãi suất ngân hàng; nếu không để tránh phức tạp, rủi ro người ta sẽ không đầu tư mà gửi tiền vào ngân hàng.

- Đối với nước chủ nhà: mục tiêu và hiệu quả của hợp tác đầu tư bao gồm những nội dung đa dạng hơn. Mục tiêu của hợp tác đầu tư nước ngoài đối với nước chủ nhà là một bộ phận cấu thành trong mục tiêu tổng thể của Chiến lược dài hạn phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu đó có thể được

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Thạc sĩ NGUYỄN THỊ THANH THỦY



định kỳ điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu của từng bước phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi người nước ngoài lấy tỉ suất lợi nhuận làm tiêu chuẩn xét hiệu quả hợp tác đầu tư, thì nước chủ nhà phải xét hiệu quả đầu tư đồng thời trên cả ba mặt : kinh tế, xã hội và tài chính.

Với những mục tiêu và hiệu quả như trên thì vấn đề

nước chủ nhà làm thế nào để thực hiện phát triển cơ cấu các vùng trên toàn thể đất nước mình một cách hợp lý nhất. Đối với một vùng kinh tế không có lợi thế so sánh như các nơi khác thì chính phủ phải có những biện pháp gì để kêu gọi đầu tư nước ngoài? Nước chủ nhà muốn nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn vào nơi này nhưng họ lại không muốn thì làm sao để lôi kéo, thuyết phục họ đồng ý bỏ vốn đầu tư. Đó là một vấn đề khó trong quản lý vĩ mô và đòi hỏi chính phủ phải có một quyết tâm thống nhất rất cao.

I. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ VÀ KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đồng bằng sông Cửu Long gồm 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Có diện tích tự nhiên là 39.600 km², chiếm 12% diện tích và dân số năm 1999 là 16,17 triệu người, chiếm 21,1% dân số cả nước.

Đồng bằng Sông Cửu Long nằm giữa một khu vực kinh tế năng động, phát triển và có vị trí địa lý như sau:

- Đây là một trong những đồng bằng châu thổ rộng và phì nhiêu ở Đông Nam Á và thế giới, là vùng đất quan trọng sản xuất nông nghiệp.

- Có bờ biển dài trên 700 km và khoảng 360.000 km² lãnh hải, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế biển.

- Nằm trong khu vực có đường giao thông hàng hải và hàng không quốc tế Nam Á và Đông Á, châu Úc và các quần đảo khác trong Thái Bình Dương. Vị trí này rất quan trọng cho giao lưu quốc tế.

- Có biên giới giáp Campuchia, gần Lào, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

- Đồng bằng Sông Cửu Long nằm giữa một khu vực kinh tế năng động và phát triển.

Nằm ở hạ lưu sông Mekong hàng năm khoảng 50% diện tích bị ngập lũ, nhận lượng phù sa lớn, nhưng ảnh hưởng quan trọng đến sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt dân cư.

Trong 10 năm qua từ năm 1990 - 1999 Đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế là 6,22 %. Cơ cấu kinh tế có sự chênh lệch theo hướng tiến bộ, sản xuất lương thực, thủy sản không ngừng phát triển đảm bảo an toàn lương thực quốc gia và xuất khẩu.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm

Đơn vị: %

	1990 - 1995		1995 - 1999		1990 - 1999	
	Cả nước	ĐBSCL	Cả nước	ĐBSCL	Cả nước	ĐBSCL
GDP	8,06	6,80	6,98	5,45	7,48	6,22
1. Nông lâm thủy sản	4,45	6,30	4,38	3,84	4,43	5,18
2. Công nghiệp - xây dựng	12,62	12,25	0,74	9,03	111,73	10,78
3. Dịch vụ	8,02	5,48	5,80	5,60	7,01	5,53

Một số chỉ tiêu kinh tế tổng hợp

	Đơn vị	1990	1995	1999
Dân số	Triệu người	14,64	15,58	16,17
GDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	9.375,2	46.843	81.447,2
So cả nước	%	22,3	20,5	20,4
Cơ cấu kinh tế	%	100	100	100
- Nông lâm nghiệp	-	53,40	46,6	45,2
- Công nghiệp xây dựng	-	11,64	14,9	18,1
- Dịch vụ	-	34,95	38,5	36,7
Sản lượng lúa	Triệu tấn	9,48	12,83	16,3
Ngân sách thu trên địa bàn	Tỷ đồng	895	4.415	6.300
So với GDP	%	9,2	9,4	8,5
GDP/người	1000đ	666	3.006	5.037

II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trong đường lối kinh tế của Đảng ta là "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh." (Trích Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX)

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện chiến lược 10 năm 2001-2010 nhằm: "Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại..." (Trích Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX)

Như vậy về chiến lược phát triển các vùng, cần thiết phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng kinh tế trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá.

Cơ cấu FDI theo vùng còn bất hợp lý. Có thể thấy rõ rằng FDI tập trung chủ yếu ở các vùng kinh tế trọng điểm. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với lợi thế về cơ sở hạ tầng, về sự thuận lợi trong giao thông thủy, bộ, hàng không và năng động trong kinh doanh, là vùng thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất trong cả nước đứng đầu là thành phố Hồ Chí Minh. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ mà đứng đầu là Hà Nội là vùng thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thứ hai trên cả nước. Vùng miền núi và trung du Bắc Bộ và Tây Nguyên là hai vùng thu hút được ít dự án FDI nhất. Cụ thể tình hình trong bảng số liệu sau:

Cơ cấu đầu tư nước ngoài theo vùng kinh tế (Tính tới ngày 31.12.1999)

Vùng	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỷ trọng (%)	Tổng vốn pháp định (USD)	Tỷ trọng (%)
Vùng núi trung du phía Bắc	265,812,786	0.74	124,504,461	0.77
Vùng KTTĐ Bắc Bộ	10,881,700,774	30.33	4,862,332,531	30.16
Vùng KTTĐ trung bộ	1,978,411,512	5.51	1,097,537,204	6.81
Vùng tây nguyên	899,147,060	2.51	136,221,109	0.84
Vùng KTTĐ	17,277,631,032	48.15	7,675,744,184	47.61
Đồng bằng sông Cửu Long	1,003,125,144	2.80	410,276,264	2.54
Cả nước	35,879,248,658	100.00	16,121,635,093	100.00

Nguồn: Vụ QLDA ĐTN - Bộ KH và ĐT

Về tình hình thu hút FDI tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Trên địa bàn 12 tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long kể từ năm 1987 đến nay, chỉ thu hút được 107 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký 972 triệu USD, chiếm 4% về số dự án FDI và 2,6% về vốn đầu tư nước ngoài so với cả nước. Tính đến cuối năm 2000, số vốn đã thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 714 triệu USD, chỉ đạt 73,5% so với tổng vốn đăng ký. Hiện chỉ có 55 dự án đầu tư nước ngoài đã đi vào hoạt

động, thu hút 13.000 lao động, chiếm 4,5% số lao động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong cả nước. Đến cuối năm 2000, đã có 53 dự án phải giải thể trước thời hạn với tổng vốn đăng ký là 222 triệu USD. Nếu dự án giải thể trước thời hạn trên cả nước chỉ dưới 20% thì ở đồng bằng sông Cửu Long số dự án đầu tư nước ngoài giải thể trước thời hạn khá cao.

Nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả nước, vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long cần phải phát huy những lợi thế sẵn có, tập trung cao độ vào mục tiêu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng nông sản, thủy sản; phát triển các ngành công nghiệp có nhiều ưu thế: công nghiệp chế biến thủy sản, xay xát gạo xuất khẩu, phát triển thương mại, dịch vụ và khả năng trao đổi sản phẩm với các vùng khác; tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong vùng.

Cụ thể như tình hình đầu tư nước ngoài tại Cần Thơ - là một tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long có tiềm năng rất lớn về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Thành phố Cần Thơ được nâng cấp thành đô thị loại II, đã xây dựng khu công nghiệp và khu chế xuất Trà Nóc với diện tích 150 ha, có cảng biển, sân bay Trà Nóc, nhà máy nhiệt điện và là đầu mối giao lưu rất thuận tiện cả về đường không, đường bộ, lẫn đường thủy.

III. GIẢI PHÁP ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Thời gian vừa qua Ủy ban Kinh tế - xã hội Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) đề nghị lập Dự án đầu tư Đông Dương 2000 - 2001. Đây là một dự án nằm trong Chương trình phát triển tiểu vùng Mekong và được sự tài trợ của Chính phủ Nhật Bản. Dự án này nhằm mục tiêu tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các nước Đông Dương, trước hết tập trung vào việc xác định và kiến nghị các giải pháp nhằm loại bỏ các trở ngại trong giai đoạn sau giấy phép đầu tư, coi đây là biện pháp quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào các nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nhiều cuộc " Hội thảo quốc gia về xúc tiến và triển khai dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam " vào các ngày 12-13 tháng 02 tại Cần Thơ và ngày 15-16 tháng 02 Hồ Chí Minh và ở Singapore. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề ra rất nhiều biện pháp để xúc tiến việc kêu gọi nước ngoài vào đầu tư tại Việt Nam.

Đồng bằng Sông Cửu Long có tiềm năng nhưng thu hút đầu tư nước ngoài yếu. Đối với một vùng không có nhiều lợi thế như các vùng khác, thì vấn đề kêu gọi vốn đầu tư vào vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là một vấn đề không đơn giản và đây là biểu hiện rõ nhất sự khác biệt giữa mục đích của các nhà đầu tư và nước chủ nhà.

Để thực hiện xúc tiến việc kêu gọi đầu tư nước ngoài vào vùng đồng bằng Sông Cửu Long, theo tôi cần nên thực hiện các việc sau đây:

1. Việc làm trước tiên và rất cần thiết là phổ biến cho các nhà đầu tư nước ngoài những thông tin về từng thế mạnh và định hướng phát triển của từng tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long một cách cụ thể và rộng rãi.

Mỗi tỉnh cần có danh mục kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài thật rõ ràng cụ thể và phải được cập nhật theo dõi thường xuyên. Và tất nhiên là phải có bộ phận chuyên trách để giải đáp mọi ý kiến thắc mắc về danh mục kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài trên, có thể tổ chức thông tin rộng rãi mà không cần đợi có người quan tâm hỏi mới nói. Việc xúc tiến đầu tư ở từng tỉnh phải thay đổi mới cho phù hợp với tình hình hội nhập kinh tế hiện nay.

2. Vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng tốt là điều kiện quyết định cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào vùng Đồng Bằng sông Cửu Long.

Do tình hình cơ sở hạ tầng chưa phù hợp với trình độ phát triển của sản xuất, có rất nhiều dự án FDI đã đầu tư

tại Đồng bằng sông Cửu Long và đã gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể như có một số dự án đầu tư nước ngoài tại Long An, khi nhập máy móc thiết bị và muốn vận chuyển về đến đơn vị gặp rất nhiều khó khăn như: Do trọng lượng của thiết bị điện có máy lên đến 20 tấn -35 tấn, không biết làm thế nào để vận chuyển máy về khi không thể qua được cầu Bến Lức vì không được phép vượt quá tải trọng của cầu và cũng không thể nào cắt nhỏ máy ra được !!!

Từ khi có chính sách mở cửa đến nay, việc thu hút FDI vào các tỉnh ĐBSCL vẫn còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân đầu tiên được nói đến là sự yếu kém về cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông đường hàng không, đường bộ, đường thủy đã gây cản trở rất lớn cho việc nước ngoài bỏ vốn bỏ vốn đầu tư vào các tỉnh miền Tây Nam bộ.

Trong các cuộc hội thảo xúc tiến đầu tư của chính phủ Việt Nam đã phân tích yếu tố cơ sở hạ tầng yếu kém tại khu vực đang là trở ngại lớn nhất, làm cho chi phí vận chuyển hàng hóa cao, thời gian chậm trễ và lượng hao hụt quá lớn. Có lúc phí và thời gian chuyên chở hàng hóa từ nơi sản xuất của các doanh nghiệp ở tỉnh Kiên Giang lên Cảng Sài Gòn cũng ngang với phí và thời gian chuyên chở hàng hóa từ cảng Sài Gòn về cảng Cao Hùng (Đài Loan).

Thêm vào đó là các chính sách ưu đãi khuyến khích cho nước ngoài đầu tư vào ĐBSCL nói chung còn nhiều hạn chế.

3. Vấn đề quan niệm thật đầy đủ về đầu tư trực tiếp nước ngoài của lãnh đạo các địa phương

Đối với quan niệm đầu tư nước ngoài, có địa phương chưa thật sự coi FDI là điều tất yếu, là một thuận lợi mới của thế giới ngày nay, chưa nhận thức sâu sắc là FDI đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia đang phát triển. Một vài tư tưởng còn cho rằng lĩnh vực đó Việt Nam mình cũng làm được không cần thiết phải kêu gọi vốn nước ngoài.

4. Vấn đề cán bộ là khâu yếu nhất.

Đội ngũ cán bộ hạn chế về chuyên môn, thiếu kiến thức về hoạt động trong nền kinh tế thị trường, vừa thiếu kinh nghiệm về hợp tác đầu tư trong giai đoạn mới vừa thiếu tác phong công nghiệp hiện đại ..là mặt tồn tại lớn nhất trong khâu cán bộ hiện tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực trạng hiện nay tại các tỉnh ĐBSCL là: dân số ĐBSCL chiếm 22% dân số cả nước nhưng cả khu vực chỉ có 1/3 trường đại học được nhà nước đầu tư; lao động có đào tạo chỉ chiếm 6% so với 15% của cả nước.

Ngoài ra công nhân lại có trình độ văn hóa, kỹ thuật tay nghề hạn chế cũng ảnh hưởng không ít đến việc thu hút FDI tại vùng ĐBSCL.

Trong phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn trong chuyến làm việc với các Tỉnh ĐBSCL ngày 10.7.2001 nêu ra vấn đề : " Phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL cần rất nhiều giải pháp và quan trọng là giải pháp càng chi tiết thì càng dễ thực hiện. Giải pháp đầu tiên được đề cập là việc nâng cao dân trí trong khu vực..."

Vì vậy để có thể kêu gọi vốn đầu tư vào vùng ĐBSCL, nhằm để đáp ứng được tình hình phát triển kinh tế trong giai đoạn mới, điều trước tiên theo tôi, nhà nước nên có chiến lược nhân sự cụ thể cho vùng này. Việc tuyển dụng nhân lực cho các doanh nghiệp FDI không nhất thiết là phải sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ. Nên tạo điều kiện cho các doanh nghiệp FDI có ý định đầu tư tại vùng ĐBSCL có thể thu nhận nhân lực từ các nơi khác đến. Cho đến khi nào trình độ dân trí trong vùng đạt trình độ nhất định thì có thể thay thế được.

Để có thể thực hiện được việc quản lý vĩ mô về thu hút vốn đầu tư nước ngoài một cách có hiệu quả nhất, việc tạo những điều kiện đặc biệt tối ưu nhất cho vùng ĐBSCL là vấn đề then chốt của việc thu hút FDI ■